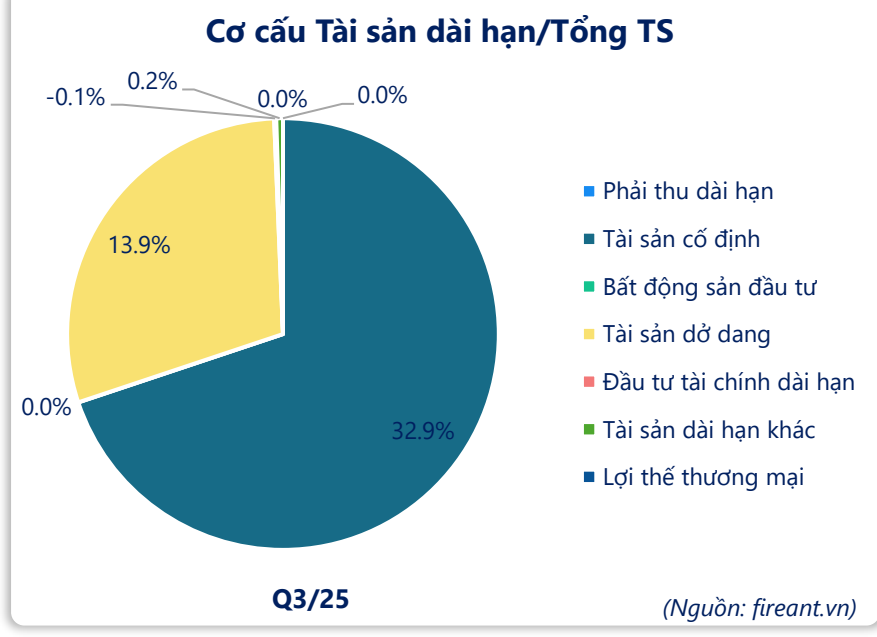
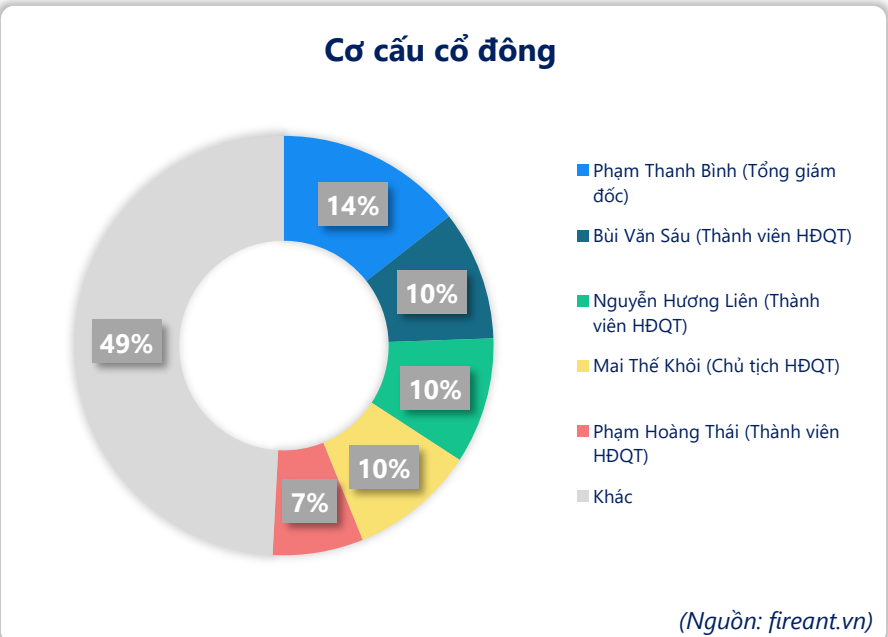
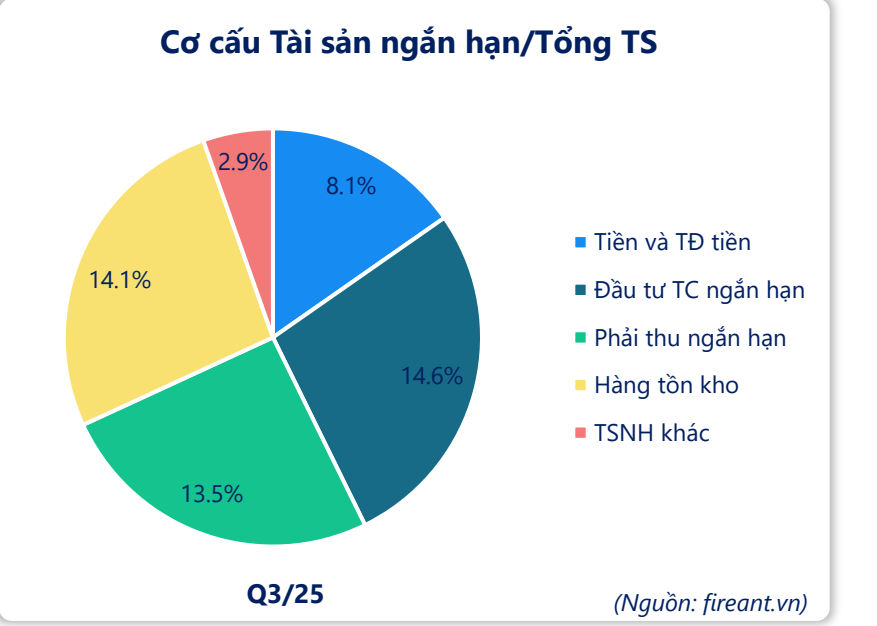
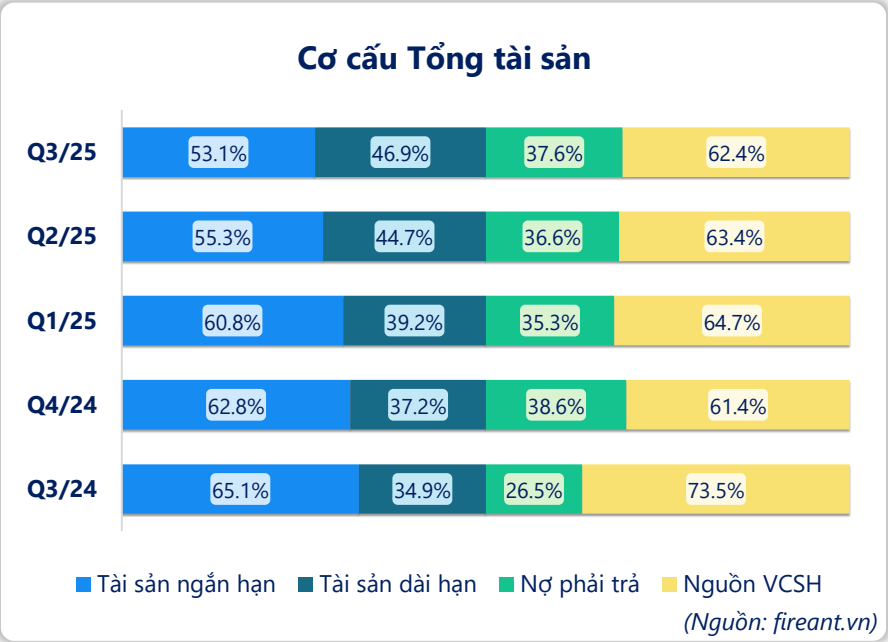
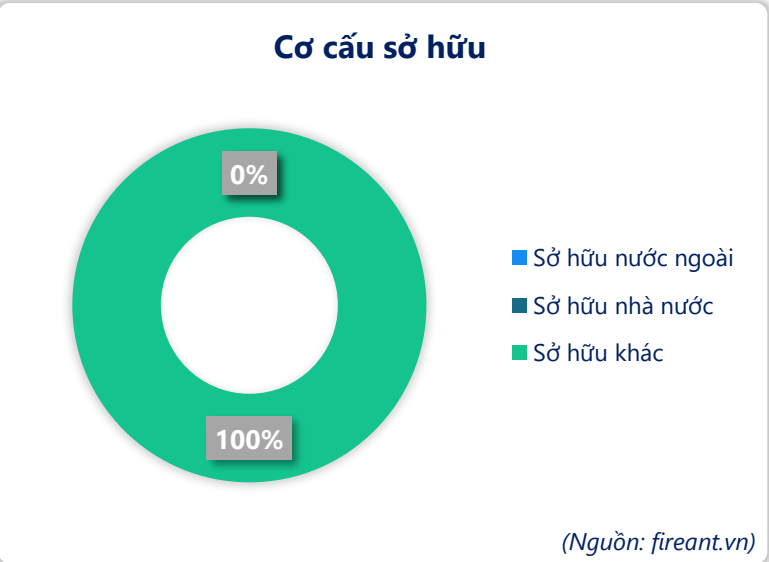
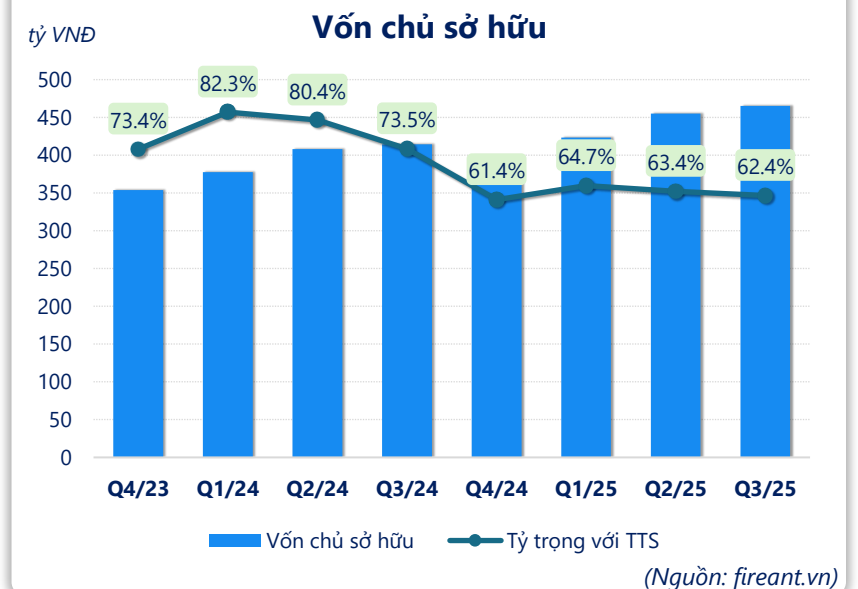
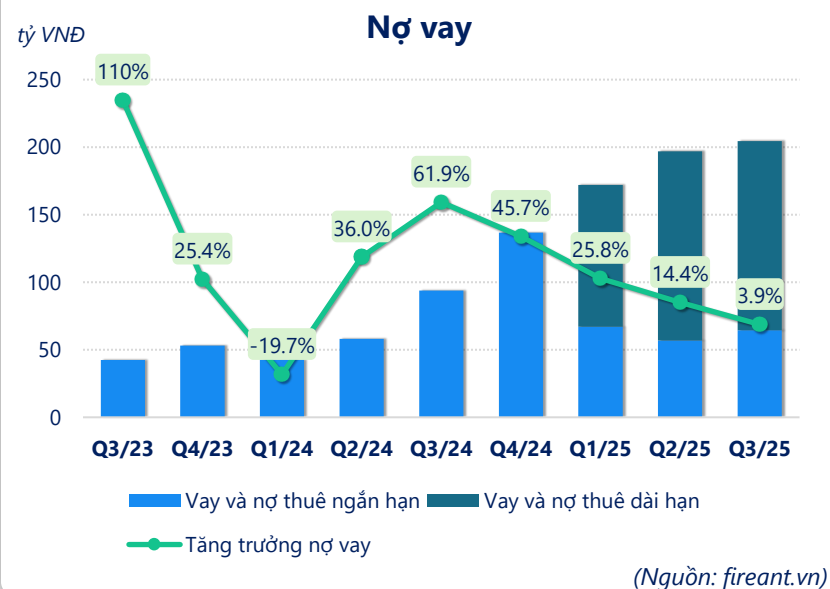
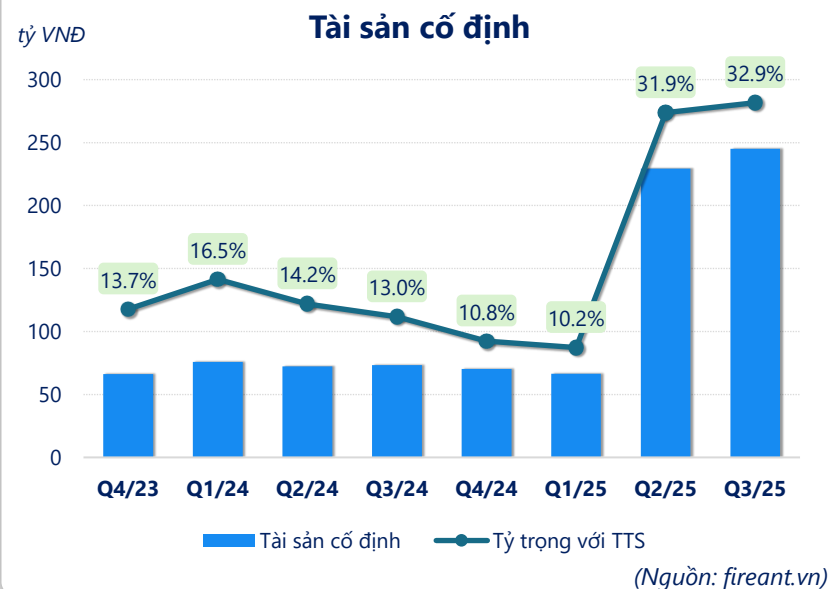
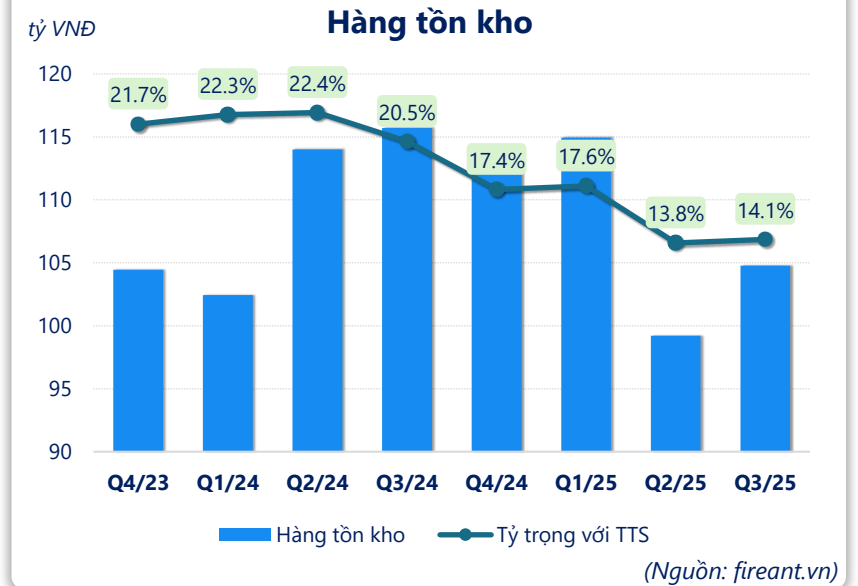
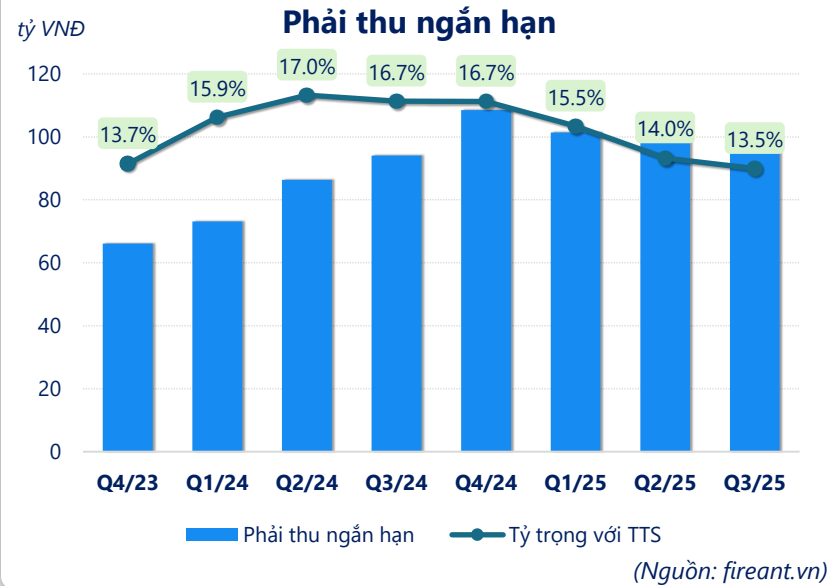
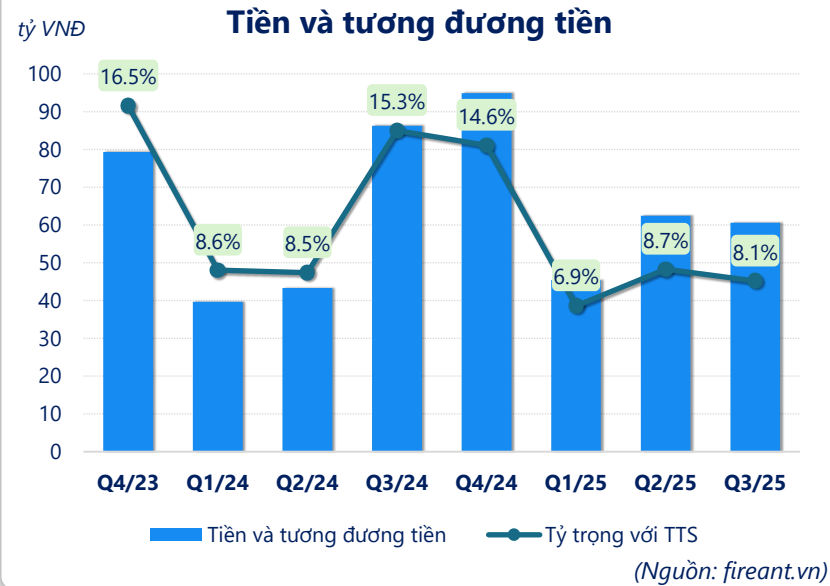
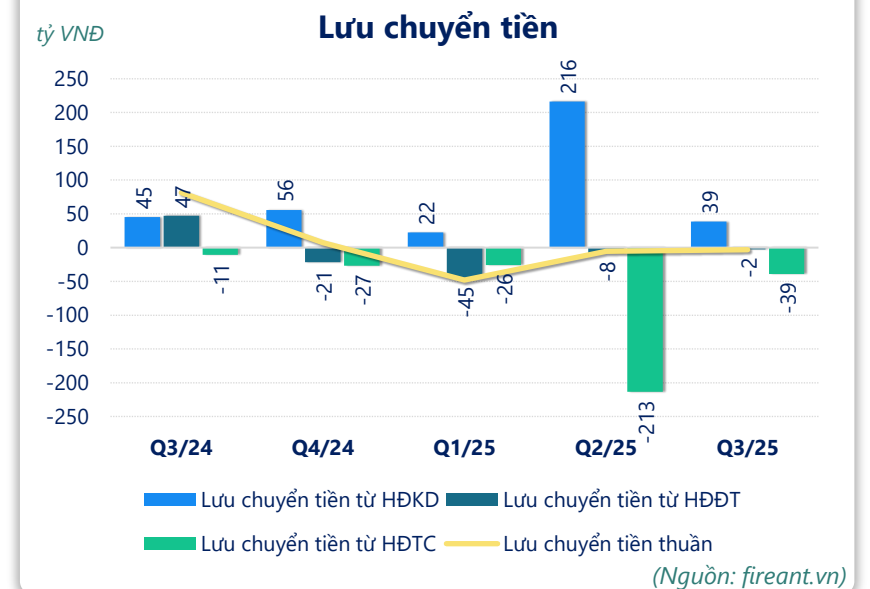
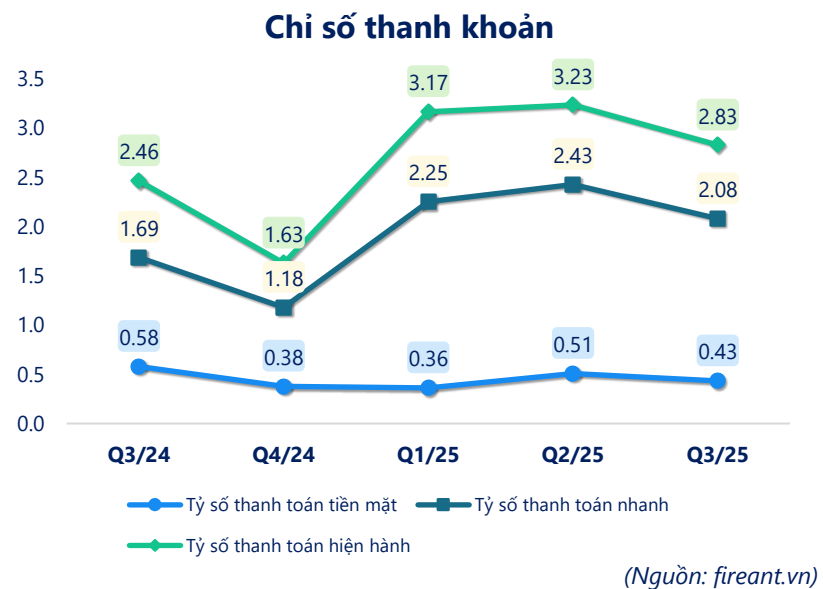
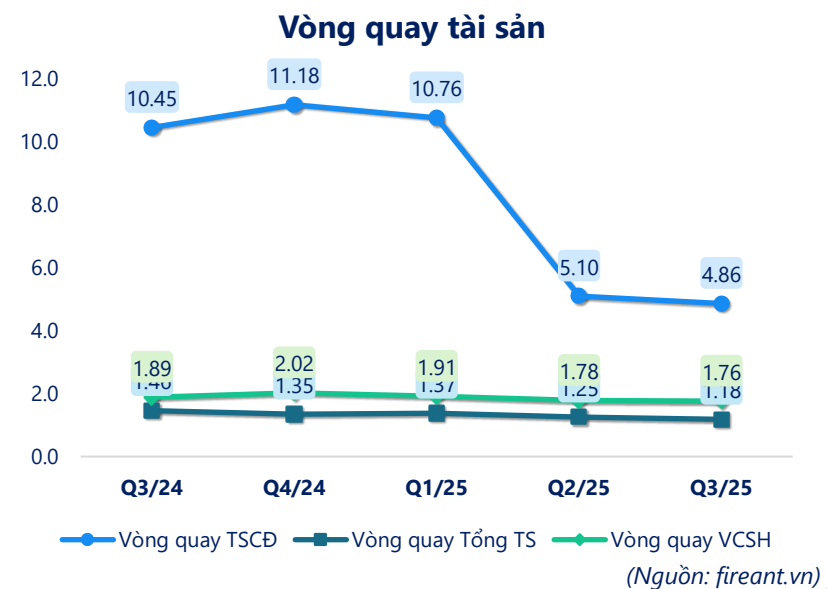
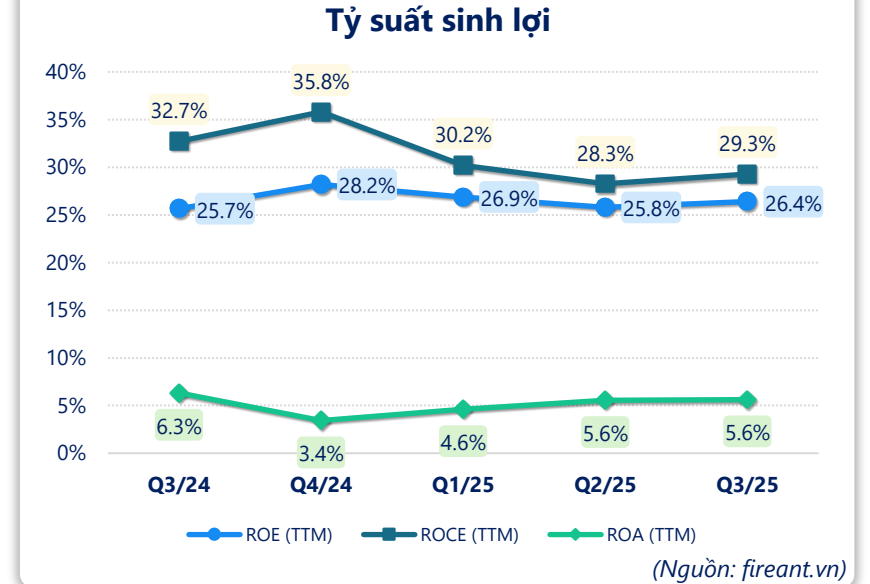
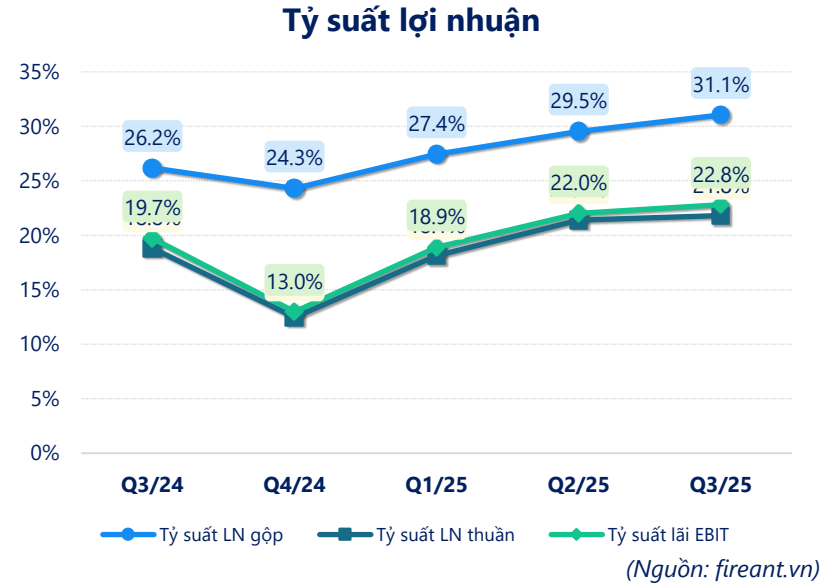
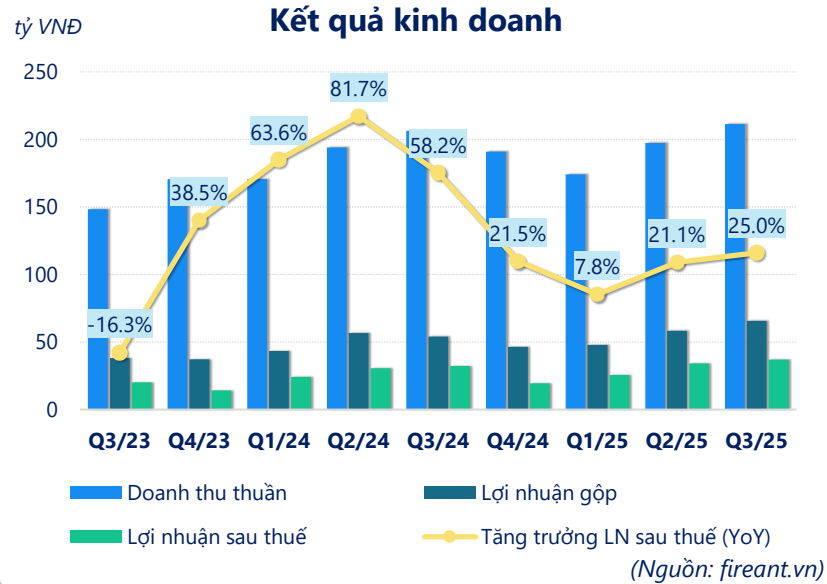


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		43,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		31,040
SL cổ phiếu LH		37,964,770
KLGD BQ 20 phiên (CP)		16,134
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,462
P/E		12.6
EPS		3,056

	YTD	1T	3T	6T
BCF	8.8%	1.3%	2.9%	7.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	745	647	15.3%
Tài sản ngắn hạn	396	407	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	60.6	93.5	-35.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	109	74.9	44.9%
Phải thu ngắn hạn	101	108	-7.2%
Hàng tồn kho	105	113	-7.2%
Tài sản ngắn hạn khác	21.4	17.1	24.9%
Tài sản dài hạn	349	240	45.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	245	70.7	246%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	103	168	-38.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	-0.55	0	
Tài sản dài hạn khác	1.75	0.85	106%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	280	251	11.6%
Nợ ngắn hạn	140	166	-15.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	64.5	52.0	24.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	36.9	51.2	-27.8%
Nợ dài hạn	140	85.0	64.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	140	84.8	65.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	465	395	17.6%
Vốn chủ sở hữu	465	395	17.6%
Vốn điều lệ	380	339	12.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	206	191	174	197	211
Giá vốn hàng bán	152	145	126	139	146
Lợi nhuận gộp	54.0	46.4	47.8	58.3	65.6
Doanh thu HĐTC	3.06	5.09	1.28	7.30	2.81
Chi phí TC	2.08	0.94	0.86	1.73	1.38
Chi phí lãi vay	0.44	0.45	0.57	0.62	1.23
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.4	13.9	11.8	13.6	14.3
Chi phí QLDN	2.76	12.8	4.81	8.09	6.65
LN thuần từ HĐKD	38.8	23.8	31.6	42.2	46.1
Lợi nhuận khác	1.44	0.53	0.74	0.64	0.88
LN trước thuế	40.3	24.3	32.3	42.9	47.0
Lợi nhuận sau thuế	32.2	19.4	25.6	34.1	36.9
LNST của CĐ cty mẹ	32.2	19.4	25.6	34.1	36.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.3	55.6	22.4	216	38.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	47.0	-21.5	-44.7	-8.22	-2.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.8	-26.8	-25.8	-213	-39.0
Tiền đầu kỳ	43.3	86.2	93.5	359	62.4
Lưu chuyển tiền thuần	81.5	7.27	-48.0	-5.38	-2.89
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.32	1.44	0	0.03	1.03
Tiền cuối kỳ	86.2	94.9	45.4	354	60.6

(Nguồn: fireant.vn)